

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/KDTM-PT

Ngày: 25 - 01 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Quý Chi

Các Thẩm phán: Ông Lê Viết Hòa

Ông Nguyễn Viết Hùng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Phương Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:** Bà Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số 13/2023/TLPT-KDTM ngày 22 tháng 11 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/KDTM-ST ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã CT bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2023/QĐXXPT-KDTM ngày 26 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT R; trụ sở: Thửa đất số 1063, tờ bản đồ số 14, ấp HN, phường TVH, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Đ – Chức vụ: Giám đốc; Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nghiêm Xuân H, sinh năm 1995; HKTT: Xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Địa chỉ liên hệ: Số 91 Nguyễn Thị N, phường HBP, thành phố TD, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

* **Bị đơn:** Công ty TNHH MTV S - Trụ sở: Lô A1, khu công nghiệp CT I, khu phố 2, phường TT, thị xã CT, tỉnh Bình Phước; Người đại diện theo pháp luật: Ông ABBY R1 - Chức vụ: Tổng Giám đốc; Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Võ Mộng Th, sinh năm 1982; Địa chỉ: Căn nhà HT 15, ô F8, F9, khu liên hợp công nghiệp đô thị, phường HP, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

* **Người kháng cáo:** Bị đơn Công ty TNHH một thành viên S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Công ty TNHH sản xuất R (Công ty R) trình bày:

Công ty TNHH sản xuất R (sau đây gọi là Công ty R) và Công ty TNHH một thành viên S (sau đây gọi là Công ty SHF) có mua bán hàng hóa với nhau. Việc mua bán hàng hóa giữa Công ty R và Công ty SHF không có ký hợp đồng. Thay vào đó Công ty R đã thực hiện bán hàng hóa cho Công ty SHF theo từng đơn đặt hàng qua điện thoại của phía Công ty SHF. Theo đó, trong tháng 02/2021 Công ty R đã tiến hành bán hàng và giao đầy đủ hàng hóa theo đơn đặt hàng mà Công ty SHF đã đặt. Sau khi giao hàng Công ty R đã xuất hóa đơn đầy đủ. Đến thời điểm hiện tại tổng giá trị hàng hóa Công ty R đã bán cho Công ty SHF là 180.761.240 đồng, Công ty SHF chưa thanh toán số tiền nợ nêu trên.

Thời gian qua, Công ty R đã rất nhiều lần liên hệ, làm việc với Công ty SHF nhằm yêu cầu thanh toán số tiền 180.761.240 đồng. Tuy nhiên, Công ty SHF đã không trả nợ mà còn trốn tránh, chây ỳ nhằm chiếm dụng tiền của Công ty R. Hành vi này, đã xâm phạm, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty R. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Công ty R khởi kiện Công ty SHF yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty SHF phải trả cho Công ty R số tiền nợ là 180.761.240 đồng (Một trăm tám mươi triệu bảy trăm sáu mươi nghìn hai trăm bốn mươi đồng). Không yêu cầu trả lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án Công ty TNHH MTV S (Công ty SHF) trình bày:

Công ty SHF đã được Toà án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập Công ty SHF đến làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng Công ty SHF vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu gì của Công ty SHF.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty R trình bày: Do trong quá trình giải quyết vụ án Công ty SHF đã thanh toán cho Công ty R số tiền 50.000.000 đồng trong tổng số nợ là 180.761.240 đồng tại Hóa đơn giá trị gia tăng số: 0000459 ngày 03/02/2021, vì vậy Công ty R rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 50.000.000 đồng mà Công ty SHF đã thanh toán, Công ty R yêu cầu Công ty SHF trả lại số tiền 130.761.240 đồng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty SHF là bà Võ Mộng Th trình bày: Công ty SHF thừa nhận có giao dịch mua bán số lượng, chủng loại và giá trị hàng hoá với Công ty R như thể hiện tại Hóa đơn giá trị gia tăng số: 0000459 ngày 03/02/2021. Cho đến nay Công ty SHF đã trả được cho Công ty R số tiền 50.000.000 đồng, số tiền 130.761.240 đồng nợ còn lại Công ty SHF đồng ý thanh toán cho Công ty R. Tuy nhiên, hiện nay Công ty SHF đang gặp khó khăn trong

hoạt động sản xuất kinh doanh nên Công ty SHF mong muốn Công ty R giảm cho một phần số tiền nợ nêu trên hoặc tạo điều kiện cho Công ty SHF được trả nợ theo hình thức trả nhiều lần cho đến khi trả hết nợ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/KDTM-ST ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã CT, tỉnh Bình Phước quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH sản xuất R:

Buộc Công ty TNHH MTV S có nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty TNHH sản xuất R số tiền là 130.761.240 đồng (Một trăm ba mươi triệu bảy trăm sáu mươi một ngàn hai trăm bốn mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: Đình chỉ giải quyết đối với số tiền 50.000.000 đồng Công ty TNHH sản xuất R rút yêu cầu khởi kiện đối với Công ty TNHH MTV S.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyết định về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm: ngày 04/9/2023, bị đơn có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa nội dung bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bên đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Kể từ ngày thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

* Về tố tụng:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty SHF làm trong thời hạn luật định, hình thức và nội dung phù hợp các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên cần xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

* Về nội dung:

[2] Xét thấy, quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của cả hai bên nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận: năm 2021, Công ty TNHH MTV S (gọi tắt là: Công ty SHF) có mua hàng (lò xo xoắn) của Công ty TNHH sản xuất R (gọi tắt là: Công ty R) với trị giá 180.761.240 đồng. Việc mua bán không được ký kết bằng hợp đồng tuy nhiên được thể hiện tại Hóa đơn giá trị gia tăng do Công ty R xuất số 0000459 ngày 03/02/2021. Các bên cũng thừa nhận, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm phía bị đơn đã thanh toán được 50.000.000 đồng, số tiền bị đơn còn nợ chưa thanh toán được cho nguyên đơn hiện là 130.761.240 đồng. Đây là những tình tiết được các bên thừa nhận, được coi là sự thật không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo của phía bị đơn cho rằng, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải thanh toán số tiền 130.761.240 đồng là chưa đánh giá khách quan, toàn diện, chưa phản ánh đúng bản chất của vụ việc, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng, kháng cáo này của phía bị đơn là không có căn cứ và mâu thuẫn. Bởi lẽ, tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận việc mua bán giữa hai bên, thừa nhận số tiền đã thanh toán và số tiền còn chưa thanh toán. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn không xuất trình được chứng cứ nào thể hiện việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên như vậy là không có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của phía bị đơn. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã CT.

[4] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn Công ty SHF không được chấp nhận nên Công ty SHF phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH MTV S.

Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại số 08/2023/KDTM-ST ngày 22/8/2023 của Tòa án nhân dân thị xã CT, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ các Điều 11 và 24 Luật thương mại 2005; các Điều 166; 280; 385; 401 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức Th, miễn, giảm, Th nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH sản xuất R:

Buộc Công ty TNHH MTV S có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH sản xuất R số tiền là 130.761.240 đồng (Một trăm ba mươi triệu bảy trăm sáu mươi một ngàn hai trăm bốn mươi đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án có cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH MTV S phải chịu 6.538.062 đồng (sáu triệu năm trăm ba mươi tám ngàn không trăm sáu mươi hai đồng);

Công ty TNHH sản xuất R không phải chịu. Hoàn trả cho Công ty TNHH sản xuất R số tiền 4.519.031 đồng (bốn triệu năm trăm mười chín ngàn không trăm ba mươi một đồng) đã nộp tại biên lai thu tiền số 0012217, ngày 13/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã CT, tỉnh Bình Phước.

3. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV S phải chịu 2.000.000 (hai triệu) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012462 ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã CT, tỉnh Bình Phước.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS Tx. CT;
- TAND Tx. CT;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Quý Chi